

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**  
**CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

**Mã hồ sơ:** .....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Nông nghiệp; Chuyên ngành: Chăn nuôi

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: ĐINH VĂN DŨNG

2. Ngày tháng năm sinh: 04-10-1982; Nam ; Nữ;  Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Quỳnh Châu, Quỳnh Lưu, Nghệ An

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 6/29 Xã Tắc, Phường Thuận Hoà, Thành Phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Địa chỉ liên hệ: Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

Điện thoại nhà riêng: .....; Điện thoại di động: 0986.939.906; E-mail: [dinhvandung@hueuni.edu.vn](mailto:dinhvandung@hueuni.edu.vn)

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ năm 2005 đến năm 2014: Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Từ năm 2014 đến năm 2016: Khoa Sinh học, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Từ năm 2016 đến năm 2020 (nay): Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Chức vụ: Hiện nay: Phó Trưởng Khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Bộ môn.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Chăn nuôi Thú y, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN  
Địa chỉ cơ quan: 102 Phùng Hưng, Thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điện thoại cơ quan: 0234 3522.535.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): .....

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ..... năm .....

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): .....

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):.....

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 2005, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Chăn nuôi Thú y.

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 02 tháng 4 năm 2009, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Chăn nuôi

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Đại học Huế, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 24 tháng 6 năm 2014, ngành: Nông nghiệp, chuyên ngành: Dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi.

Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nông Nghiệp Nam Kinh, Trung Quốc.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ....., chuyên ngành: .....

Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): .....

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: .....

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Chăn nuôi - Thú y - Thuỷ sản.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Dinh dưỡng và thức ăn cho bò.

- Chăn nuôi và môi trường.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 01 NCS (hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 03 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 01 đề tài cấp Đại học Huế, 02 đề tài cấp cơ sở; 01 đề tài hợp tác Quốc tế.

- Đã công bố 53 bài báo KH, trong đó 16 bài báo KH trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) ..... bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Số lượng sách đã xuất bản 06, trong đó 06 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế:

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế về thành tích đăng bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín năm 2017, 2018, 2019. Chiến sĩ thi đua cơ sở năm học 2017-2018.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

*Về tiêu chuẩn:*

Căn cứ vào Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định tiêu chuẩn, thủ tục xét công nhận và bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo; thủ tục xét huỷ bỏ công nhận chức danh và miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư. Tôi tự đánh giá như sau:

Có đầy đủ tiêu chuẩn của nhà giáo theo quy định của luật giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Hoàn thành nhiệm vụ được giao và thực hiện đủ số giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thông tư 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định chế độ làm việc đối với giảng viên).

Có bằng tiến sĩ từ tháng 6 năm 2014 chuyên ngành Dinh dưỡng và Thức ăn vật nuôi, do Đại học Nông Nghiệp Nam Kinh, Trung Quốc cấp.

Có 12 bài báo khoa học đã được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (Web of Science, Scopus) từ sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ tháng 6 năm 2014. Trong đó có 8 bài là tác giả chính (3 bài là tác giả đầu; 5 bài là tác giả cuối) được công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín (Web of Science, Scopus). Đã xuất bản được 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản (Nhà xuất bản Đại học Huế).

Có đủ công trình khoa học quy đổi theo quy định tại Quyết định số 37/2018/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 của Thủ tướng chính phủ. Trong đó có ít nhất 2,5 điểm công trình khoa học được thực hiện trong 3 năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ, và có ít nhất 6,0 điểm khoa học từ các bài báo khoa học.

Tôi học nghiên cứu sinh tại Trung Quốc, viết báo khoa học và viết luận án tiến sĩ và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh, vì vậy tôi có thể sử dụng tiếng anh tốt trong công tác chuyên môn.

Đã có gần 15 năm làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy trình độ đại học, từ 2016 làm nhiệm vụ giáo dục, giảng dạy trình độ sau đại học.

Đã hướng dẫn 03 học viên bảo vệ thành công và đã có bằng thạc sĩ. Hướng dẫn phụ 01 NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, đang trong thời gian chờ nhận bằng. Hiện tại đang hướng dẫn phụ 3 nghiên cứu sinh.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

Đã chủ trì 03 đề tài cấp cơ sở (01 đề tài cấp Đại học Huế, 01 đề tài cấp cơ sở trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, 01 đề tài cấp cơ sở trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Chủ trì 01 đề tài hợp tác Quốc tế (thuộc chương trình Merkan).

*Về nhiệm vụ:*

Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ của một giảng viên theo Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Đã và đang tham gia giảng dạy đại học các môn Giải phẫu động vật, Sinh lý động vật(giai đoạn công tác tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế), Dinh dưỡng động vật, Bệnh dinh dưỡng; Tham gia giảng dạy trình độ cao học môn Dinh dưỡng động vật. Tham gia biên soạn chương trình đào tạo, đánh giá chương trình đào tạo. Chủ biên và tham gia biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo. Hướng dẫn khoa luận, báo cáo sinh viên đại học; hướng dẫn luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ chuyên ngành chăn nuôi. Thực hiện nhiều nhiệm vụ khác mà cơ quan giao.

Tổ chức nghiên cứu khoa học các lĩnh vực dinh dưỡng và thức ăn vật nuôi, vật nuôi và môi trường. Tích cực hợp tác và trao đổi hợp tác nghiên cứu với các đồng nghiệp trong và ngoài nước. Chủ trì các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp Đại học Huế, đề tài hợp tác quốc tế, đề tài Nafosted. Tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học trong nước và đề tài hợp tác quốc tế. Tích cự tham gia chuyển giao công nghệ cho các địa phương, hiện tại đang là thành viên thực hiện nhiệm vụ chuyển giao khoa học công nghệ cho các tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế.

Với các tiêu chuẩn và nhiệm vụ như trình bày ở trên, bản thân tôi tự nhận thấy đủ điều kiện để nhận được học hàm Phó giáo sư trong dịp này.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên<sup>(\*)</sup>:

- Tổng số 15 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ.

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2009-2010					150		150/286/280
2	2015-2016				2	140		140/292/270
3	2016-2017			3	10	144		144/553/270
3 năm học cuối								
4	2017-2018		4	0	10	160		160/906/270
5	2018-2019		4	0	18	301	15	316/760/270
6	2019-2020		4	0	22	280		280/638/270

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

### 3. Ngoại ngữ:

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh.

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước: .....; Từ năm .....đến năm .....

- Bảo vệ luận văn ThS  hoặc luận án TS  hoặc TSKH  ; Tại nước: Trung Quốc, năm 2014.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: .....số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): .....

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): .....

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng.

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Quang Hải		x	x		2016-2017	Trường ĐH Nông Lâm, Đại học Huế	22/11/2017, số 1325/QĐ-ĐHNL-ĐTSĐH
2	Nguyễn Ni Lê		x	x		2016-2017	Đại học Cần Thơ	15/11/2017, số 3714/QĐ-DHCT
3	Phạm Đăng Khoa		x	x		2016-2018	Đại học Cần Thơ	4/4/2018, số 930/QĐ-DHCT
4	Lê Thị Thuý Hằng	x			x	2017-2020	Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế	2020, chờ cấp bằng

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

5.1. Trước bảo vệ Tiến sĩ: 0 cuốn

5.2. Sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ: 06 cuốn.

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GD&H (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Giải phẫu sinh lý người và động vật	GT	Nhà xuất bản Nông nghiệp, 2017	5	Tham gia	Chương 9, 10 và 13 (trang 246- 296; 352- 373)	Giấy xác nhận của trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế ngày 16 tháng 3 năm 2020, xác nhận giáo trình sử dụng để giảng dạy học phần Giải phẫu người và sinh lý người và động vật thuộc khung chương trình đào tạo chính quy ngành Sư phạm Sinh học.
2	Quản lý môi trường và chất thải chăn nuôi	GT	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2017	12	Tham gia	Chương 1 (trang 1- 30)	Giấy xác nhận số 11/GCN-ĐHNL, Giáo trình sử dụng cho việc giảng dạy và học tập chính cho sinh viên đại học và học viên cao học chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
3	Sổ tay hướng dẫn kỹ thuật cải thiện sức sản xuất của bò cái sinh sản và bò thịt trong nông hộ	HD	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2017	7	Tham gia	Cùng biên soạn tất cả các trang	Giấy xác nhận số 14/GCN-ĐHNL, sách được sử dụng làm sách tham khảo cho giảng dạy và học tập chính thức cho sinh viên đại học chuyên ngành chăn nuôi tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

4	Sổ tay hướng dẫn phát triển cây thức ăn cho bò trong nông hộ	HD	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2017	6	Tham gia	Cùng biên soạn tất cả các trang	Giấy xác nhận số 15/GCN-ĐHNL, sách được sử dụng làm sách tham khảo cho giảng dạy và học tập chính thức cho sinh viên đại học chuyên ngành chăn nuôi tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
5	Bệnh dinh dưỡng vật nuôi	GT	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2019	2	Chủ biên	Cùng biên soạn 5 chương	Giấy xác nhận số 13/GCN-ĐHNL, Giáo trình giảng dạy và học tập chính thức cho sinh viên Đại học và học viên cao học chuyên ngành Chăn nuôi và Thú y tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế
6	Hiện trạng và các giải pháp dinh dưỡng giảm thiểu phát thải khí mêtan từ đường tiêu hoá trong chăn nuôi bò ở Việt Nam	CK	Nhà xuất bản Đại học Huế, 2020	4	Đồng chủ biên	Biên soạn chương 1,3,4 (từ trang 17-42; 61-102)	Giấy xác nhận số 12/GCN-ĐHNL, sách được sử dụng làm sách chuyên khảo cho giảng dạy và học tập chính thức cho sinh viên đại học và học viên cao học chuyên ngành chăn nuôi tại trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau PGS/TS: 01 sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản, số thứ tự số: 6 ở bảng trên, cụ thể:

(1). Lê Đình Phùng, **Đinh Văn Dũng** (đồng chủ biên), Lê Đức Ngoan, Đào Thị Bình An (2020). Hiện trạng và các giải pháp dinh dưỡng giảm thiểu phát thải khí mêtan từ đường tiêu hoá trong chăn nuôi bò ở Việt Nam. Nhà xuất bản Đại học Huế.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

6.1. Trước khi bảo vệ Tiến sĩ.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	ĐT: Ánh hưởng của việc bổ sung thức ăn tinh vào khẩu phần cơ bản cỏ tự nhiên và rơm lúa đến lượng ăn vào, khả năng tăng trọng, tỷ lệ tiêu hoá và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi bò vàng Việt Nam	CN	T.08-TN-29, Trường ĐH Sư phạm, Đại học Huế	2008-2009	13/5/2009, xếp loại tốt

6.2. Sau khi bảo vệ tiến sĩ.

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
2	ĐT: Ước tính lượng khí methane phát thải từ hệ thống chăn nuôi bò thịt ở miền Trung Việt Nam	CN	DHH2016-03-80, Đại học Huế	2016-2017	30/3/2018, xếp loại tốt
3	ĐT: Đánh giá năng suất sinh sản của đàn bò cái lai Brahman nuôi trong nông hộ tại tỉnh Quảng Ngãi	CN	Trường ĐH Nông Lâm, Đại học Huế	2018	25/12/2018, xếp loại tốt
4	ĐT-QT: Effects of forage sources in fermented total mixed ration (FTMR) on nutrient digestibility and methane emission in growing cattle	CN	Đề tài Merkan	2018	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

### 7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

7.1.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố trước khi bảo vệ Tiến sĩ (2005-6/2014).

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí Quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
1	Ảnh hưởng của một số yếu tố đến việc sử dụng phụ phẩm nông nghiệp cho gia súc nhai lại ở Quảng Ngãi	07		Tạp chí Khoa học Đại học Huế, chuyên san Nông-Sinh-Y, ISSN:1859-1388		3	12, 46, 17-25	2008
2	Ảnh hưởng của nguồn protein trong thức ăn tinh đến lượng ăn vào, tỷ lệ tiêu hóa và tăng trọng ở bò thịt	02	X (Tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học Đại học Huế, chuyên san Nông-Sinh-Y. ISSN:1859-1388			18, 52, 37-44	2009
3	Đánh giá giá trị dinh dưỡng của một số loại thức ăn thô xanh cho cừu ở Thừa Thiên Huế	05		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi. ISSN: 1859-476X			163, 10, 63-68	2012
4	Systems of cattle production in south Central Coastal Vietnam	08		Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/Q3, SJR: 0.29	25	25, 2	2013
5	Feeding system of fattening cattle on smallholder farms in Central Vietnam	04	X (tác giả đầu)	Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-	Scopus/Q3, SJR: 0.29	12	25, 8	2013

				3784				
6	Practice on improving fattening local cattle production in Vietnam by increasing crude protein level in concentrate and concentrate level	07	X (tác giả đầu)	Tropical Animal Health and Production. ISSN: 0049-4747 (print); 1573-7438 (online)	SCI/Q2; IF: 1,089	16	45, 7, 1619-1626	2013
7	Effects of crude protein level in concentrate and concentrate level in diet on in vitro fermentation	03	X (tác giả đầu)	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences. pISSN: 1011-2367; eISSN:1976-5517	SCIE/Q1; IF: 1,227	26	27, 6, 797-805	2014

7.1.2. Bài báo công bố sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ (6/2014-2020)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
8	In vitro Fermentation Characteristics of Rice bran, Maize and Cassava powder Incubated with Rumen Fluid	01	X (tác giả đầu)	Tạp chí khoa học Đại học Huế, chuyên san Nông nghiệp, Sinh học và Y dược. ISSN:1859-1388			98, 10, 45-53	2014
9	Ảnh hưởng của mức thức ăn tinh trong khẩu phần đến phát thải khí mêtan ở bò vàng Việt Nam nuôi vỗ béo.	05	X (tác giả đầu)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN:1859-4581			6, 74-80	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

10	Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí methane từ chăn nuôi bò thịt bán thâm canh quy mô nông hộ ở đồng bằng Sông Hồng: Nghiên cứu trường hợp tại huyện Đông Anh, Hà Nội	07		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN:1859-4581		4	7, 70-79.	2015
11	Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí methane từ chăn nuôi bò sữa quy mô nông hộ ở miền Bắc: Nghiên cứu trường hợp chăn nuôi bò sữa nông hộ tại Ba Vì – Hà Nội	08		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN:1859-4581		2	9, 64-72	2015
12	Ảnh hưởng của mức protein trong thức ăn tinh đến phát thải khí mê tan ở bò vàng Việt Nam nuôi vỗ béo	05	X (tác giả đầu)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN:1859-4581.			19, 94-100	2015
13	Hiện trạng hệ thống chăn nuôi bò sinh sản trong nông hộ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Việt Nam	10		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.		3	21, 109-117	2015
14	Reproductive constraints to improved productivity of smallholder cow-calf systems in South Central Coast Vietnam – insights from recent surveys.	07	X (tác giả đầu)	Proceeding the 5th International Conference on Sustainable Animal Agriculture for Developing Countries. ISBN 978-974-625-711-4.			703-706	2015

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

15	Effects of crude protein level in concentrate and concentrate level on carcass composition and meat quality of Vietnamese yellow cattle	05	X (tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật chăn nuôi. ISSN:1859-476x			209, 50-58	2016
16	Hệ thống chăn nuôi bò, khả năng sinh sản của bò cái lai và sinh trưởng của bê lai Zebu nuôi tại tỉnh Quảng Bình.	05		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật chăn nuôi. ISSN:1859-476x		3	210, 61-68	2016
17	Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ đường tiêu hóa của hệ thống chăn nuôi bò thịt quảng canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi.	04		Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ. ISSN: 1859-2333		2	46b, 1-7	2016
18	Nghiên cứu đặc điểm hình thái và khả năng sản xuất thịt của gà Sao Numida meleagris (Linnaeus, 1758) tại nông hộ thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên - Hué.	05		Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP.Hồ Chí Minh. ISSN:1859-3100			3, 81, 78-87	2016
19	Nghiên cứu chỉ tiêu sinh lý máu của hai tổ hợp lợn lai (Landrace × Móng Cái) × Duroc và (Landrace × Móng cái) × (Pietrain × Duroc) nuôi ở trang trại huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Hué.	02		Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Thành Phố Hồ Chí Minh. ISSN:1859-3100			12, 90, 21-31	2016

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

20	Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ chăn nuôi bò thịt bán thâm canh quy mô nông hộ ở Tây Nguyên: Nghiên cứu trường hợp tại huyện Eakar, tỉnh Đăk lăk	04	X (tác giả đầu)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. ISSN:1859-4581.		3	2, 79-86	2016
21	Hiện trạng và một số kịch bản giảm phát thải khí methane đồng thời tăng năng suất chăn nuôi từ hệ thống bò sinh sản quy mô nông hộ ở Ba Vì – Hà Nội	03		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.		2	13, 83-91	2016
22	Hiện trạng và kịch bản phát thải khí mêtan từ hệ thống nuôi bò thịt thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi	05		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.		7	17, 58-66	2016
23	Một số chỉ tiêu sinh lý máu của tôm hùm lai (Landrace x Móng Cái) x Duroc ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế	06		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.			21, 108-113	2016
24	Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ hệ thống chăn nuôi bò thịt bán thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Ngãi	04	X (tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. ISSN:1859-0004		4	14, 5, 699-706	2016
25	Năng suất và giá trị dinh dưỡng của một số giống cỏ trồng trên đất pha cát chủ động tưới tiêu tại Bình Định	06		Tạp chí Khoa học Đại học Huế.Chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn. ISSN:1859-1388			126, 3A, 129-137	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

26	Đánh giá hiện trạng chăn nuôi và xác định yếu tố nguy cơ xảy ra dịch bệnh lở mồm long móng trên đàn gia súc nuôi tại Hà Tĩnh	10		Tạp chí Khoa học Đại học Huế.  Chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn.  ISSN:1859-1388			126, 3A, 179-188	2017
27	Ước tính hệ số phát thải khí mêtan từ đường tiêu hóa của bò thịt ở các hệ thống chăn nuôi bò tại tỉnh Quảng Nam	04	X (tác giả đầu)	Khoa học Đại học Huế.  Chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn.  ISSN:1859-1388			126, 3A, 189-199	2017
28	Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ hệ thống nuôi bò thịt bán thảm canh quy mô nông hộ ở tỉnh An Giang	06		Khoa học Đại học Huế.  Chuyên san Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn.  ISSN:1859-1388			126, 3A, 43-52	2017
29	Hệ thống chăn nuôi sinh sản và ảnh hưởng bổ sung thức ăn cho bò mẹ trước và sau khi đẻ đến khả năng sinh sản của bò lai Brahman nuôi trong nông hộ ở tỉnh Bình Định	10		Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam.  ISSN:1859-0004.			15, 7, 891-904	2017
30	Ảnh hưởng của việc sử dụng khô dầu dừa và cỏ voi ú chua trong khẩu phần đến khả năng ăn xuất, phát thải khí mêtan từ dạ cỏ ở bò thịt	08	X (tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học và Công nghệ chăn nuôi.  ISSN:1859-0802			72, 38-47	2017

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

31	Hiện trạng và kịch bản giảm phát thải khí mêtan từ hệ thống nuôi bò thịt thâm canh quy mô nông hộ ở Quảng Nam	04	X (tác giả đầu)	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.			3+4, 160-167	2017
32	Đa hình gen SCD và SREBP-1 liên quan đến tính trạng mỡ giắt của một số giống bò ở miền Trung Việt Nam	09		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.			24, 105-109	2017
33	Quantification of biogas potential from livestock waste in Vietnam.	04	X (tác giả cuối)	Agronomy Research ISSN:1406-894X	Scopus/ Q3/ SJR:0,267	13	15, 2, 540-552	2017
34	Estimation of methane emissions from local and crossbreed beef cattle in Dak Lak province of Vietnam.	10		Asian-Australasian Journal of Animal Sciences. pISSN: 1011-2367; eISSN:1976-5517	SCIE/ Q1/ IF: 1,227	4	30, 7, 1054-1060	2017
35	Dánh giá kỹ thuật chăn nuôi và năng suất đòn bò thịt tại tỉnh An Giang	05		Tạp chí Khoa học Kỹ thuật chăn nuôi. ISSN:1859-476x			216, 33-38	2017
36	Giảm phát thải khí mêtan đồng thời tăng năng suất vật nuôi bò thịt ở Việt Nam	03		Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. ISSN:1859-4581.			6, 39-45	2018
37	Methane production in an in vitro rumen incubation of cassava pulp-urea	04	X (tác giả cuối)	Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-	Scopus/ Q3, SJR: 0.29	6	30(4)	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	with additives of brewers' grain, rice wine yeast culture, yeast-fermented cassava pulp and leaves of sweet or bitter cassava variety			3784				
38	Digestibility, nitrogen balance and methane emissions in goats fed cassava foliage and restricted levels of brewers' grains	04	X (tác giả cuối)	Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/ Q3, SJR: 0.29	3	30 (4)	2018
39	Effect of leaves from sweet or bitter cassava and brewers' grains on methane production in an in vitro rumen incubation of cassava root pulp-urea	05		Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/ Q3, SJR: 0.29	3	30(9)	2018
40	Fattening "Yellow" cattle on cassava root pulp, urea and rice straw: completely mixed ration system with cassava foliage as protein supplement compared with feeds not mixed and brewers' grains as protein source	05		Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/ Q3, SJR: 0.29	2	30(10)	2018
41	Biogas Quality across Small-Scale Biogas Plants: A Case of Central Vietnam	05		Energies. ISSN: 1996-1073	SCI/Q1/ IF:2.707	16	11(7), doi: 10.3390/enl 11071794.	2018

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

42	Ước tính lượng khí mêtan phát thải từ các hệ thống chăn nuôi bò thịt ở miền trung Việt Nam	04	X (tác giả đầu)	Ký yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ chuyên ngành Chăn nuôi, Thú y giai đoạn 2013-2018. Bộ NN và PTNT. NXB Thanh niên, ISBN 978-604-64-9451-5.			417-428	2018
43	Hiệu quả sử dụng thức ăn công nghiệp trong vỗ béo bò lai brahman ở miền trung Việt Nam	06	X (tác giả đầu)	Ký yếu Hội nghị Khoa học và Công nghệ chuyên ngành Chăn nuôi, Thú y giai đoạn 2013-2018. Bộ NN và PTNT. NXB Thanh niên, ISBN 978-604-64-9451-5.			221-227	2018
44	Effect of additives (brewer's grains and biochar) and cassava variety (sweet versus bitter) on nitrogen retention, thiocyanate excretion and methane production by Bach Thao goats	04	X (tác giả cuối)	Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/ Q3, SJR: 0.29	7	31(1)	2019
45	Effect of biochar on growth and methane emissions of goats fed fresh cassava foliage	04	X (tác giả cuối)	Livestock Research for Rural Development. ISSN: 0121-3784	Scopus/ Q3, SJR: 0.29		31(5)	2019
46	Effects of level of concentrate on performance of finishing crossbred Brahman cattle in	07	X (tác giả đầu)	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi. ISSN:1859-476x			247, 23-28	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

	Vietnam							
47	Ảnh hưởng của nguồn thức ăn xơ thô trong khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh lên men đến lượng ăn vào và tập tính nhai lại ở bò thịt	05	X (tác giả đầu)	Kỷ yếu hội nghị Chăn nuôi Thú y toàn Quốc. NXB Nông nghiệp, ISSN: 978-604-603059-1, 470-474.			470-474	2019
48	Đánh giá năng suất sinh sản đàn bò cái lai Brahman nuôi trong nông hộ tỉnh Quảng Ngãi	04		Kỷ yếu hội nghị Chăn nuôi Thú y toàn Quốc. NXB Nông nghiệp, ISSN: 978-604-603059-1, 470-474.			475-478	2019
49	Characterization of Smallholder Beef Cattle Production System in Central Vietnam – Revealing Performance, Trends, Constraints and Future Development	05	X (tác giả đầu)	Tropical Animal Science Journal. p-ISSN: 2615-787X; e-ISSN: 2615-790X	Scopus/ Q2/ SJR: 0,39		42, 3, 253-260	2019
50	Performance and Estimation of Enteric Methane Emission from Fattening Vietnamese Yellow Cattle Fed Different Crude Protein and Concentrate Levels in the Diet	03	X (tác giả đầu)	Advances in Animal and Veterinary Sciences. p-ISSN: 2309-3331; e-ISSN: 2307-8316	Scopus/ Q3/ SJR: 0,22	1	7, 11, 962-968	2019
51	Đánh giá hệ thống chăn nuôi bò sinh sản và năng suất sinh sản của đàn bò cái lai Brahman trong nông hộ huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi	04		Tạp chí khoa học Đại học Huế: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ISSN: 2615-9708			128, 3D, 95-109	2019

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

52	Effects of Different Forages in Fermented Total Mixed Rations on Nutrient Utilization and Ruminating Behaviours of Growing Yellow Cattle in Vietnam	06	X (tác giả đầu)	Advances in Animal and Veterinary Sciences. p-ISSN:2309-3331; e-ISSN: 2307-8316	Scopus/ Q3/ IF: 0,22		8, 3, 245-251	2020
53	Đánh giá thành phần dinh dưỡng các bộ phận của cây lá gai xanh (Boehmeria nivea L.) Trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi làm thức ăn cho vật nuôi	08		Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nông nghiệp, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế, ISSN: 2588-1256.			4, 1, 1799-1805	2020

- Trong đó, số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 8 (3 bài tác giả đầu và 5 bài tác giả cuối), cụ thể:

- (1) Roubík, H., Mazancová, J., Phung, L.D., **Dung, D.V.** (2017). Quantification of biogas potential from livestock waste in Vietnam. Agronomy Research. 2: 540-552. (Scopus, Q3, SJR: 0,267).
- (2) Phuong, L.T., Preston, T.R., Van,N.H., **Dung, D.V.** (2018). Methane production in an in vitro rumen incubation of cassava pulp-urea with additives of brewers' grain, rice wine yeast culture, yeast-fermented cassava pulp and leaves of sweet or bitter cassava variety. Livestock Research for Rural Development. 30 (4). (Scopus, Q3, SJR: 0,22).
- (3) Hang, L.T.T., Preston, T.R., Ba. N.X., **Dung, D.V.** (2018). Digestibility, nitrogen balance and methane emissions in goats fed cassava foliage and restricted levels of brewers' grains. Livestock Research for Rural Development. 30 (4). (Scopus, Q3, SJR: 0,22).
- (4) Phuong, L.T., Preston, T.R., Van, N.H., **Dung, D.V.** (2019). Effect of additives (brewer's grains and biochar) and cassava variety (sweet versus bitter) on nitrogen retention, thiocyanate excretion and methane production by Bach Thao goats. Livestock Research for Rural Development. 31 (1). (Scopus, Q3, SJR: 0,22).
- (5) Hang, L.T.T., Preston, T.R., Ba. N.X., **Dung, D.V.** (2019). Effect of biochar on growth and methane emissions of goats fed fresh cassava foliage. Livestock Research for Rural Development. 31 (5). (Scopus, Q3, SJR: 0,22).

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- (6) Dung, D.V., Roubík, H., Ngoan, L.D., Phung, L.D., Ba, N.X. (2019). Characterization of Smallholder Beef Cattle Production System in Central Vietnam – Revealing Performance, Trends, Constraints and Future Development. Tropical Animal Science Journal. 42(3): 253-260. (Scopus, Q2, SJR: 0,39).
- (7) Dung, D.V., Phung, L.D., Roubik, H. (2019). Performance and Estimation of Enteric Methane Emission from Fattening Vietnamese Yellow Cattle Fed Different Crude Protein and Concentrate Levels in the Diet. Advances in Animal and Veterinary Sciences. 7(11): 962-968. (Scopus, Q3, SJR: 0,22).
- (8) Dung, D.V., Phung, L.D., Ngoan, L.D., Ba, N.X., Van, N.H., Thao, L.D. (2020). Effects of Different Forages in Fermented Total Mixed Rations on Nutrient Utilization and Ruminating Behaviours of Growing Yellow Cattle in Vietnam Advances in Animal and Veterinary Sciences. 8(3):245-251. (Scopus, Q3, SJR: 0,22).

#### 7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó, các số TT của bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

#### 7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế:

TT	Tên giải thưởng	Cơ quan/tổ chức ra quyết định	Số quyết định và ngày, tháng, năm	Số tác giả
1				
2				
...				

- Trong đó, các số TT giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

#### 7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

- Trong đó, các số TT tác phẩm nghệ thuật, thành tích huân luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: .....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

- Tham gia xây dựng phát triển chương trình đào tạo trình độ Đại học theo chuẩn đầu ra của doanh nghiệp (ngành Chăn nuôi và ngành Thú y) năm 2017. Tham gia viết đề cương môn học chương trình đào tạo ngành Chăn nuôi, Thú y năm 2017.

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): .....

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): .....

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu: ....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: .....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu: ....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu: ....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: .....

(\*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

Ban hành kèm theo Công văn số 78/HĐGSNN ngày 29/5/2020 của Chủ tịch HĐGSNN

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 6 năm 2020  
**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**



**Đinh Văn Dũng**